TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 61/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 07 - 3 - 2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn;
Bà Trương Thị Thu Thủy.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 501/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1987. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1983. (Vắng mặt).

Cùng trú: Tổ 07, ấp BA, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã BP năm 2005. Sau khi cưới thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh

phúc, chị và anh N đã ly thân từ năm 2010 đến Nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục dích hôn nhân không đạt nên chị Nh xin ly hôn với anh N.

Con chung: Chị Nh và anh N chung sống được 01 con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 02/6/2005, đang ở với chị Nh. Ly hôn chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Trung N, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh N vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

Tại phiên tòa, chị Nh giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Không có. Anh N vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, biên bản xác minh tại địa phương cho biết: Mâu thuẫn giữa chị Nh và ông N là do anh N ăn chơi nên chị Nh buồn chán đã bỏ nhà đi và vợ chồng không còn chung sống khoảng hơn 07 năm Ny. Tại phiên tòa, chị Nh cho rằng chị và anh N chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả nhau, anh N ăn chơi, không quan tâm vợ con, nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến Ny, hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Nh yêu cầu ly hôn với anh N là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 02/6/2005, sau khi vợ chồng ly thân đến Ny cháu CL do chị Nh chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Do đó, để ổn định cuộc sống của con chung và theo nguyện vọng của con nên đề nghị giao con chung cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nh không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết đúng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh N thường trú tại ấp BA, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. Chị Nh khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh N được Tòa án nhân dân huyện CP tống đạt văn bản tố tụng, triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị Nh và anh N chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BP, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét về nguyên nhân mâu thuẩn giữa chị Nh và anh N, quá trình giải quyết vụ ánTòa án cũng như tại phiên tòa thấy rằng: Chị Nh và anh N chung sống thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, cải vả nhau, bất đồng quan điểm sống, anh N không quan tâm vợ con. Đồng thời tại phiên tòa, chị Nh cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly thân hơn từ năm 2010 đến Ny, không còn tình cảm nên kiên quyết xin ly hôn. Tòa án đã triệu tập anh N để tiến hành hòa giải nhưng anh N không đến tham dự. Hội đồng xét xử xét thấy anh N không có ý định hàn gắn quan hệ vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nh.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 02/6/2005. Xét thấy, từ khi ly thân đến Ny chị Nh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung ổn định. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Nh yêu cầu tiếp tục nuôi con chung. Bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung và theo nguyện vọng của cháu CL, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 02/6/2005 cho chị Nh được trực tiếp nuôi con là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Nh cùng các thành

viên trong gia đình không được cản trở anh N thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Nh phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẻ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Trung N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Thị CL, sinh ngày 02/6/2005 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Trung N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nh trực tiếp nuôi con cùng với các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017387 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự huyện CP.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CP;
- UBND xã BP;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Ngọc Mỹ